UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

LỚP: 48TĐH **KHÓA: 48 (2021 - 2024)**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Học kỳ 1								Học kỳ 2									
			1		2		3		4		1		2		3		4		5	
Số tín chỉ			3		2		2		2		2		3		3		2		2	
			10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ
1	Trần Công Minh	9/18/2003	6,6	C+	6,2	C	7,6	B	7,4	B	7,0	B	6,9	C+	7,6	B	7,1	B	7,6	B
2	Tạ Đình Sơn	5/20/2003	8,2	B+	8,3	B+	7,3	B	7,4	B	8,7	A	7,1	B	7,2	B	8,0	B+	8,6	A

STT	Học kỳ 3																	
	1		2		3		4		5		6		7		8		9	
Số tín chỉ	4		2		3		5		3		3		2		4		4	
	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ
1	5,6	C	7,1	B	6,9	C+	7,0	B	6,7	C+	6,1	C	0,0	D	1,3	D	9,0	A+
2	7,8	B	7,3	B	8,1	B+	7,1	B	7,8	B	8,1	B+	6,6	C+	8,1	B+	9,0	A+

STT	Học kỳ 4								Học kỳ 5													
	1		2		3		4		1		2		3		4		5		6		7	
Số tín chỉ	2		2		3		4		3		3		2		2		3		6		5	
	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ
1	7,9	B	6,2	C	5,9	C	5,1	D+	0,0	D	0,0	D	0,4	D	2,0	D	6,0	C	0,0	D	0,0	D
2	8,6	A	8,0	B+	8,2	B+	6,7	C+	7,9	B	8,0	B+	7,5	B	8,6	A	6,0	C	9,1	A+	9,0	A+

STT	Kỳ 1 - Kỳ 5: TTC<4	Kỳ 1 - Kỳ 5: TMĐ<4	Kỳ 1 - Kỳ 5: TBC tích lũy ĐT 10	Kỳ 1 - Kỳ 5: TBC tích lũy ĐT 4	Xếp loại học tập	Xếp loại RL toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
Số tín chỉ			81				
1	27	8	4,84	1,42	Yếu	Yếu	Chưa TN
2	0	0	8,02	3,21	Giỏi	Tốt	THIẾU BẰNG TNTHPT

Tổng số: 02

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024

Phòng QLĐT **Người lập biểu**

Nguyễn Thị Ngọc Dung

STT	MĐ/MH KỲ 1	TC	MĐ/MH KỲ 2	TC	MĐ/MH KỲ 3	TC	MĐ/MH KỲ 4	TC	MĐ/MH KỲ 5	TC
	Điện cơ bản	3	Đo lường và cảm biến	2	Thiết bị điện công nghiệp	4	Điều khiển tự động truyền động điện	2	Điều khiển tự động	3
	Vi điều khiển	2	Tin học	3	Tự động hóa quá trình sản xuất	2	Trang bị điện máy công nghiệp	2	ĐK theo chương trình số và Rô bốt công nghiệp	3
	Pháp luật	2	Điện tử cơ bản	3	Thiết kế hệ thống điện trên máy tính	3	Truyền động dầu ép và khí nén	3	Mạng truyền thông công nghiệp	2
	Kỹ năng giao tiếp	2	Điện tử công suất	2	Tiếng Anh	5	Điều khiển lập trình PLC	4	Thiết kế giao diện điều khiển	2
			Kỹ thuật xung số	2	Tiếng Anh chuyên ngành	3			Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3
					Gia công cơ khí	3			Thực tập tốt nghiệp	6
					Giáo dục thể chất	2			Đồ án tốt nghiệp	5
					Giáo dục chính trị	4				
					Thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất	4				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

LỚP: 48KTML1 **KHÓA: 48 (2021 - 2024)**

Họ tên	Ngày sinh	Học kỳ 1								Học kỳ 2								Học kỳ 3												Học kỳ 4								Học kỳ 5								Kỳ 1 - Kỳ 5				Xếp loại học tập	Xếp loại RL toàn khoá	Xử T
Thứ tự môn học		1		2		3		4		1		2		3		4		1		2		3		4		5		6		7		8		1		2		3		4		1		2		3		4		5		6		7		8		TTC< 4	TMĐ <4	TBC Tích lũy				
Số tín chỉ		2		2		3		2		2		5		2		3		3		2		4		3		4		2		4		4		3		4		4		4		2		3		4		3		2		3		6		5				ĐT 10	ĐT4			
Thang điểm		10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ							
Nguyễn Hải Anh	11/11/2003	7,8	B	7,5	B	7,4	B	5,8	C	6,9	C+	7,1	B	5,4	D+	6,8	C+	6,3	C	5,6	C	6,3	C	5	D+	6,4	C	5,7	C	7,9	B	7,6	B	7,8	B	6,8	C+	8,4	B+	7,4	B	7,4	B	7	B	6	C	6,9	C+	7	B	0	D	8	B+	8,5	A	3	1	785	2,55	Khá	Khá	K
Trịnh Đại Nghĩa	12/20/2003	7,4	B	7,5	B	7,4	B	5,2	D+	7	B	8,4	B+	5,7	C	5,8	C	6	C	5,6	C	7	B	5,6	C	5,6	C	6	C	8,1	B+	9	A+	7,4	B	7	B	7,4	B	7,4	B	6,6	C+	7,3	B	6	C	0	D	5,4	D+	5,3	D+	8	B+	0	D	8	2	380	2,27	Trung bình	Khá	Tr
Nguyễn Minh Quang	5/12/2002	8	B+	8,3	B+	8	B+	5,7	C	7,5	B	6,2	C	7,7	B	6,6	C+	6,6	C+	7,5	B	7,3	B	5	D+	8,2	B+	5,5	C	8	B+	8,9	A	7	B	6,5	C+	7	B	7	B	7,1	B	7,7	B	1,9	D	6,6	C+	7	B	5,5	C	8	B+	8,7	A	4	1	904	2.55	Khá	Tốt	K
Hoàng Văn Thường	12/11/2003	8	B+	7,4	B	7,4	B	5,4	D+	6,5	C+	6,5	C+	6,4	C	7,1	B	6	C	7,1	B	7,1	B	6,3	C	6,4	C	4,5	D	7,4	B	8,9	A	2	D	0,8	D	2	D	2,4	D	0	D	0	D	0	D	0	D	0	D	5,5	C	8	B+	0	D	34	10	690	1,27	Yếu	Trung Bình	Y
Đặng Minh Tú	12/13/2003	7,4	B	6,6	C+	7,4	B	6,1	C	7,1	B	6,8	C+	6,6	C+	5,8	C	6	C	7,3	B	7,3	B	6,8	C+	7,2	B	5,3	D+	8	B+	8,9	A	6,4	C	1,2	D	6,4	C	6,4	C	3,4	D	0,3	D	0	D	0	D	5	D+	6,1	C	8	B+	0	D	21	6	928	1,89	Yếu	Khá	Y

Tổng số: 05

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Duy

Phòng QLĐT

STT	MĐ/MH KỲ 1	TC	MĐ/MH KỲ 2	TC	MĐ/MH KỲ 3	TC	MĐ/MH KỲ 4	TC	MĐ/MH KỲ 5	TC
1	Cơ sở kỹ thuật Nhiệt - Lạnh và điều hòa không khí	2	Cơ kỹ thuật	2	Điện cơ bản	3	Hệ thống máy lạnh công nghi	3	Quản trị doanh nghiệp	2
2	Kỹ năng giao tiếp	2	Tiếng Anh	5	Gia công ống gió	2	Giáo dục chính trị	4	Tiếng Anh chuyên ngành	3
3	Kỹ thuật Nhiệt - Lạnh cơ bản	3	Máy điện và khí cụ điện	2	Cơ khí đại cương	4	Hệ thống điều hòa không khí	4	Điều khiển, giám sát hệ thống lạnh	4
4	Pháp luật	2	Tin học	3	Vẽ kỹ thuật và Autocad	3	Thiết kế, lắp đặt hệ thống má	4	Sửa chữa mạch điều hòa	3
5					Hệ thống điều hòa không khí cục bộ	4			Điều hòa không khí ô tô	2
6					Giáo dục thể chất	2			Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
7					Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	3			Thực tập tốt nghiệp	6
8					Thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất	4			Đồ án tốt nghiệp	5

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Lớp 48KTML2

STT	Họ tên	Ngày sinh	Học kỳ 1								Học kỳ 2						Học kỳ 3																				Học kỳ 4								Học kỳ 5														Kỳ 1 - Kỳ 5				Xếp loại học tập	Xếp loại RL toàn khoá	Xếp loại TN
Thứ tự môn học			1		2		3		4		1		2		3		1		2		3		4		5		6		7		8		9		10		1		2		3		4		1		2		3		4		5		6		7		TTC<4	TMĐ<4	TBC	Tích lũy			
Số tín chỉ			2		2		3		2		5		2		2		3		2		3		3		4		4		3		3		2		4		3		4		4		4		2		3		3		2		3		6		5				ĐT10	ĐT4			
Thang điểm			10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ							
1	Lê Duy Anh	25/05/2001	8	B	8	B+	8	B+	7	C+	7	B	7	B	7	B	7	B	7	C+	6	C	7	B	7	C+	0	D	6	C	6	C	7	C+	10	A+	8	B	6	C	8	B+	8	B	8	B	7	C+	6	C	7	C+	6	C	9	A+	9	A	4	1	7	2,51	Khá	Tốt	chưa TN
2	Đỗ Quý Dương	18/09/2003	8	B	7	C+	8	B+	7	C+	6	C	7	C+	7	B	5	D+	6	C	5	D+	7	B	6	C	6	C	6	C	6	C	0	D	9	A+	8	B+	0	D	8	B+	8	B+	7	B	5	D+	0	D	3	D	6	C	8	B+	5	D+		4	6,2	2,23	Trung bình	Khá	chưa TN
3	Cao Đức Hải	19/06/2003	7,6	B	8,1	B+	8,3	B+	6,1	C	5,5	C	7	B	6,9	C+	7,2	B	8	B+	6	C	7,2	B	6,7	C+	8	B+	4,8	D	7,5	B	6,2	C	9	A+	8,9	A	7,7	B	8,4	B+	8	B+	7,5	B	6,9	C+	7	B	7,9	B	5,9	C	9,1	A+	8,3	B+	0	0	7,52	2,87	Khá	Khá	Thiếu bằng TN PTTH
4	Trần Tiến Hiệp	05/11/2003	7,5	B	6,9	C+	8,4	B+	6,1	C	6,1	C	8,1	B+	8,3	B+	7,4	B	7,8	B	7,8	B	7,8	B	7,9	B	7,6	B	6,5	C+	7,4	B	6,4	C	8,7	A	7	B	7	B	7,6	B	7,4	B	7,4	B	7,1	B	8	B+	7,8	B	6,7	C+	9,4	A+	8,3	B+	0	0	7,65	2,96	Khá	Khá	Thiếu bằng TN PTTH
5	Phạm Văn Học	24/07/2003	7,5	B	6,8	C+	9	A+	6,3	C	5,7	C	7,1	B	7,5	B	6,3	C	7	B	5,6	C	7,8	B	7,1	B	7,6	B	5,6	C	6,2	C	6,9	C+	9	A+	9	A+	4,5	D	9	A+	8	B+	7,5	B	7,6	B	6	C	6,5	C+	6,7	C+	9,2	A+	9	A+	0	0	7,36	2,75	Khá	Tốt	Thiếu bằng TN PTTH
6	Bùi Văn Huy	01/09/2003	7,5	B	7,5	B	8,4	B+	6,9	C+	6,3	C	8,3	B+	8	B+	6,5	C+	7,3	B	6,3	C	7,8	B	6,6	C+	8,3	B+	7	B	6,6	C+	7,8	B	9	A+	8,2	B+	7,7	B	8,2	B+	8	B+	8,1	B+	8,5	A	6,4	C	6,2	C	6,3	C	9,4	A+	8,6	A	0	0	7,7	2,99	Khá	Tốt	Thiếu bằng TN PTTH
7	Nguyễn Thành Long	22/08/2003	7,5	B	8,7	A	9	A+	6,1	C	6,5	C+	8	B+	6,9	C+	6,3	C	6,9	C+	6,5	C+	7,2	B	7,3	B	8	B+	6,6	C+	7,3	B	5,3	D+	9	A+	8,3	B+	6,6	C+	8,4	B+	8	B+	7,4	B	6,7	C+	7,7	B	6,2	C	6,4	C	9	A+	8,2	B+	0	0	7,58	2,91	Khá	Tốt	Thiếu bằng TN PTTH
8	Nguyễn Thành Lộc	09/10/2003	7,3	B	8,1	B+	7,7	B	7	B	7	B	7,7	B	7,3	B	6	C	6,9	C+	5,1	D+	7,1	B	7,1	B	6,4	C	5,8	C	6,6	C+	8,3	B+	9	A+	8,9	A	4,7	D	8,4	B+	8	B+	8,1	B+	6,1	C	5,9	C	6,2	C	5,9	C	9,4	A+	9	A+	0	0	7,3	2,71	Khá	Khá	Thiếu bằng TN PTTH
9	Phạm Phương Nam	17/10/2003	7	B	0	D	8	B	6	C	8	B+	6	C	8	B	5	D+	7	B	8	B+	7	B	8	B+	8	B+	6	C	6	C	7	B	10	A+	9	A	8	B+	9	A+	8	B+	8	B+	9	A	6	C	7	C+	6	C	9	A+	9	A	2	1	7,6	2,91	Khá	Khá	chưa TN
10	Hoàng Minh Quang	25/04/2002	7	B	8	B	8	B	4	D	0	D	7	B	8	B	3	D	7	B	6	C	7	B	8	B	7	B	5	D+	7	C+	5	D+	9	A+	8	B+	7	C+	8	B+	8	B+	7	B	6	C	6	C	6	C	6	C	9	A+	9	A	3	1	6,7	2,41	Trung bình	Khá	chưa TN
11	Trần Văn Thảo	10/12/2003	7,5	B	8,1	B+	9	A+	7,3	B	7,7	B	6,9	C+	8,3	B+	5,7	C	7,6	B	9,6	A+	7,9	B	7,4	B	8	B+	5,8	C	8	B+	5,4	D+	9	A+	8,8	A	7,7	B	8,2	B+	8	B+	7,4	B	6,3	C	7	B	5,6	C	6,8	C+	9	A+	9	A+	0	0	7,86	3,11	Khá	Khá	Thiếu bằng TN PTTH
12	Bùi Xuân Toàn	04/04/2003	8	B	3	D	8	B	3	D	7	C+	6	C	8	B+	7	C+	8	B	8	B	7	B	7	B	7	B	4	D	7	B	5	D+	9	A+	8	B+	6	C	8	B+	8	B+	7	B	7	B	6	C	6	C	6	C	9	A	8	B	4	2	7,2	2,62	Khá	Khá	chưa TN
13	Nguyễn Lĩnh Trường	11/09/2003	8	B	8	B+	8	B	6	C	8	B+	7	C+	8	B	0	D	7	C+	5	D+	7	B	6	C	7	B	6	C	9	A	8	B	8	B+	9	A	0	D	8	B+	8	B+	7	B	5	D	7	B	6	C	6	C	9	A+	8	B+			6,9	2,45	Trung bình	Khá	chưa TN
14	Đoàn Văn Tuân	11/01/2003	7,6	B	7,4	B	8,4	B+	6,7	C+	6,2	C	7	B	6,9	C+	6,7	C+	6,9	C+	5,2	D+	7,2	B	7	B	6,4	C	5,2	D+	5,7	C	5,3	D+	9	A+	8,9	A	4,7	D	8,4	B+	8	B+	7,4	B	5	D+	6	C	7,2	B	6,3	C	8,9	A	8,7	A	0	0	7,12	2,58	Khá	Khá	Thiếu bằng TN PTTH
15	Lê Hồng Tuấn	28/07/2003	8,2	B+	8,1	B+	9	A+	7,9	B	7,9	B	8	B+	7,7	B	8,4	B+	8	B+	10	A+	7,2	B	8	B+	8	B+	8	B+	6,6	C+	5,6	C	9,6	A+	9	A+	8,2	B+	8,4	B+	8	B+	8,6	A	9	A+	7,8	B	7,2	B	7,2	B	9,2	A+	9,1	A+	0	0	8,35	3,34	Giỏi	Tốt	Thiếu bằng TN PTTH
16	Phạm Minh Tuấn	24/10/2003	7	B	8	B	6	C	7	C+	0	D	7	C+	0	D	0	D	7	C+	0	D	6	C	7	C+	0	D	0	D	6	C	7	B	9	A+	8	B+	8	B	8	B+	8	B+	3	D	0	D	6	C	7	C+	7	C+	9	A+	0	D	30	9	4,8	1,42	Yếu	Trung Bình	chưa TN

Tổng số: 16

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2024

Người lập biểu

Phòng QLĐT

Nguyễn Thị Ngọc Duy

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
LỚP: 48ĐĐT KHÓA: 48 (2021 - 2024)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Học kỳ 1								Học kỳ 2							
			1		2		3		4		1		2		3		4	
Số tín chỉ			2		2		4		2		2		3		3		2	
			10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ
1	Lưu Xuân Thế Anh	20/04/2003	8,4	B+	7,2	B	6,8	C+	5,4	D+	7,9	B	6,1	C	5,8	C	6,1	C
2	Ngô Tiến Đạt	07/05/2003	6,8	C+	7,7	B	6,8	C+	6,3	C	7,0	B	6,2	C	5,5	C	6,0	C
3	Phạm Khánh Hưng	02/09/2003	8,0	B+	6,9	C+	8,4	B+	7,9	B	7,9	B	7,8	B	8,0	B+	7,2	B
4	Nguyễn Ngọc Sơn	02/12/2003	8,0	B+	7,7	B	6,8	C+	7,4	B	7,9	B	7,4	B	6,2	C	7,2	B
5	Nguyễn Ngọc Sơn	02/01/2003	8,0	B+	7,6	B	6,8	C+	6,4	C	7,6	B	7,0	B	8,8	A	7,8	B
6	Lê Trọng Thủy	10/03/2003	7,4	B	6,3	C	7,8	B	6,0	C	6,8	C+	6,6	C+	8,0	B+	6,6	C+
7	Nguyễn Thành Vinh	17/11/2003	8,0	B+	8,4	B+	6,9	C+	6,6	C+	7,6	B	7,7	B	7,8	B	7,7	B

STT	Họ tên	Học kỳ 3																	
		1		2		3		4		5		6		7		8		9	
Số tín chỉ		5		2		2		3		3		4		4		3		2	
		10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ
1	Lưu Xuân Thế Anh	5,4	D+	6,5	C+	4,4	D	7,9	B	7,9	B	6,4	C	6,0	C	6,5	C+	5,9	C
2	Ngô Tiến Đạt	6,7	C+	7,0	B	[redacted]	D	6,6	C+	7,6	B	5,8	C	5,9	C	6,8	C+	[redacted]	D
3	Phạm Khánh Hưng	6,6	C+	7,4	B	6,4	C	6,9	C+	6,5	C+	5,9	C	6,4	C	8,0	B+	6,4	C
4	Nguyễn Ngọc Sơn	7,9	B	6,8	C+	6,1	C	6,4	C	6,5	C+	5,3	D+	7,7	B	7,3	B	7,0	B
5	Nguyễn Ngọc Sơn	7,7	B	7,7	B	7,3	B	6,0	C	7,2	B	5,3	D+	5,4	D+	9,3	A+	7,0	B
6	Lê Trọng Thủy	8,1	B+	7,2	B	4,0	D	7,7	B	7,5	B	6,0	C	7,2	B	8,6	A	6,4	C
7	Nguyễn Thành Vinh	6,8	C+	8,2	B+	6,2	C	6,9	C+	6,3	C	6,0	C	6,4	C	6,8	C+	7,2	B

STT	Họ tên	Học kỳ 4													
		1		2		3		4		5		6		7	
Số tín chỉ		2		2		2		2		2		2		4	
		10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ
1	Lưu Xuân Thế Anh	5,4	D+	5,8	C	4,0	D	7,9	B	7,5	B	5,2	D+	9,0	A+
2	Ngô Tiến Đạt	6,3	C	6,1	C	5,6	C	5,9	C	6,3	C	4,4	D	9,0	A+
3	Phạm Khánh Hưng	6,5	C+	6,1	C	6,3	C	7,0	B	6,3	C	5,6	C	9,0	A+
4	Nguyễn Ngọc Sơn	6,4	C	6,4	C	5,6	C	7,4	B	6,3	C	6,9	C+	9,0	A+
5	Nguyễn Ngọc Sơn	6,8	C+	7,6	B	6,2	C	7,2	B	6,7	C+	5,7	C	9,0	A+
6	Lê Trọng Thủy	5,9	C	[redacted]	D	6,8	C+	6,9	C+	6,7	C+	7,3	B	[redacted]	D
7	Nguyễn Thành Vinh	6,3	C	8,2	B+	6,1	C	7,4	B	5,7	C	5,9	C	9,0	A+

STT	Họ tên	Học kỳ 5														Kỳ 1 - Kỳ 5				Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện toàn khoá	Xếp loại học tập
		1		2		3		4		5		6		7		TTC <4	TM Đ<4	TBC tích luỹ Đ/10	TBC tích luỹ Đ/4			
Số tín chỉ		3		2		2		2		3		6		5								
		10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ	10	Chữ							
1	Lưu Xuân Thế Anh	7,6	B	4,6	D	5,1	D+	7,1	B	6,4	C	9,0	A+	9,2	A+	0	0	6,89	2,46	Trung bình	Tốt	Thiếu bằng TN THPT
2	Ngô Tiến Đạt	6,0	C	5,3	D+	6,7	C+	5,8	C	5,7	C	9,0	A+	[redacted]	D	9	3	6,16	2,22	Trung bình	Khá	Chưa TN
3	Phạm Khánh Hưng	6,3	C	4,1	D	6,6	C+	7,0	B	5,4	D+	9,0	A+	9,0	A+	0	0	7,26	2,69	Khá	Tốt	Thiếu bằng TN THPT
4	Nguyễn Ngọc Sơn	8,5	A	8,3	B+	7,6	B	7,0	B	6,1	C	9,0	A+	9,2	A+	0	0	7,43	2,80	Khá	Tốt	Thiếu bằng TN THPT
5	Nguyễn Ngọc Sơn	7,0	B	7,4	B	5,8	C	6,3	C	5,6	C	9,0	A+	9,1	A+	0	0	7,36	2,75	Khá	Tốt	Thiếu bằng TN THPT
6	Lê Trọng Thủy	7,4	B	7,4	B	6,4	C	7,6	B	6,8	C+	9,0	A+	[redacted]	D	11	3	6,56	2,35	Trung bình	Tốt	Chưa TN
7	Nguyễn Thành Vinh	6,4	C	4,7	D	5,8	C	5,9	C	6,0	C	9,0	A+	9,6	A+	0	0	7,25	2,67	Khá	Khá	Thiếu bằng TN THPT

Tổng số: 07

Phòng QLĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Dung

STT	MĐ/MH KỲ 1	TC	MĐ/MH KỲ 2		MĐ/MH KỲ 3	TC	MĐ/MH KỲ 4	TC	MĐ/MH KỲ 5	TC
	Kỹ năng giao tiếp	2	Cơ khí đại cương	2	Tiếng Anh	5	Điều khiển lập trình PLC	2	Thiết kế hệ thống điện trên máy tính	3
	Mạch điện	2	Điện tử cơ bản	3	Kỹ thuật mạch	2	Pháp luật	2	Điều khiển điện khí nén	2
	Thiết kế và lắp ráp mạch điện tử	4	Tin học	3	Giáo dục thể chất	2	Sửa chữa máy tăng âm	2	Thiết bị điện dân dụng	2
	Kỹ thuật xung - số	2	Điện tử công suất	2	Điện cơ bản	3	Trang bị điện	2	Sửa chữa Tivi LCD- LED	2
					Vi điều khiển	3	Cung cấp điện	2	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3
					Thiết bị điện tử dân dụng	4	Sửa chữa điện thoại di động	2	Thực tập tốt nghiệp	6
					Giáo dục chính trị	4	Thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất	4	Đồ án tốt nghiệp	5
					Tiếng Anh chuyên ngành	3				
					Máy điện và khí cụ điện	2				

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CĐ ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HSSV KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

LỚP: 48CĐT KHÓA: 48 (2021 - 2024)

Học kỳ 1 – Học kỳ 2

STT	Họ tên	Ngày sinh	HK1-1 (2 TC) 10	Chữ	HK1-2 (3 TC) 10	Chữ	HK1-3 (2 TC) 10	Chữ	HK2-1 (2 TC) 10	Chữ	HK2-2 (3 TC) 10	Chữ	HK2-3 (3 TC) 10	Chữ	HK2-4 (2 TC) 10	Chữ	HK2-5 (2 TC) 10	Chữ
1	Đỗ Mạnh Cường	31/07/2003	6,9	C+	5,4	D+	6,3	C	5,2	D+	5,3	D+	5,0	D+	6,0	C	1,5	D
2	Đặng Hữu Hướng Thiên	17/04/2003	8,4	B+	7,3	B	6,5	C+	7,8	B	6,3	C	6,8	C+	6,1	C	6,2	C
3	Lê Thanh Tùng	20/06/2003	6,0	C	5,6	C	6,2	C	5,6	C	5,9	C	6,8	C+	6,8	C+	6,3	C

Học kỳ 3

STT	Họ tên	HK3-1 (3 TC) 10	Chữ	HK3-2 (2 TC) 10	Chữ	HK3-3 (3 TC) 10	Chữ	HK3-4 (3 TC) 10	Chữ	HK3-5 (2 TC) 10	Chữ	HK3-6 (4 TC) 10	Chữ	HK3-7 (2 TC) 10	Chữ	HK3-8 (2 TC) 10	Chữ	HK3-9 (3 TC) 10	Chữ	HK3-10 (5 TC) 10	Chữ
1	Đỗ Mạnh Cường	1,1	D	0,0	D	6,7	C+	6,5	C+	6,7	C+	6,0	C	0,0	D	0,0	D	6,2	C	0,0	D
2	Đặng Hữu Hướng Thiên	7,7	B	7,0	B	7,3	B	7,6	B	7,2	B	6,8	C+	5,8	C	6,4	C	6,6	C+	6,7	C+
3	Lê Thanh Tùng	0,0	D	0,0	D	6,5	C+	2,0	D	6,1	C	0,0	D	0,0	D	0,0	D	0,0	D	0,0	D

Học kỳ 4

STT	Họ tên	HK4-1 (4 TC) 10	Chữ	HK4-2 (3 TC) 10	Chữ	HK4-3 (2 TC) 10	Chữ	HK4-4 (3 TC) 10	Chữ	HK4-5 (2 TC) 10	Chữ
1	Đỗ Mạnh Cường	9,0	A+	2,3	D	2,3	D	0,0	D	0,0	D
2	Đặng Hữu Hướng Thiên	9,0	A+	7,8	B	7,1	B	6,0	C	6,4	C
3	Lê Thanh Tùng	9,0	A+	2,5	D	2,3	D	0,0	D	0,0	D

Học kỳ 5

STT	Họ tên	HK5-1 (2 TC) 10	Chữ	HK5-2 (2 TC) 10	Chữ	HK5-3 (2 TC) 10	Chữ	HK5-4 (2 TC) 10	Chữ	HK5-5 (2 TC) 10	Chữ	HK5-6 (2 TC) 10	Chữ	HK5-7 (2 TC) 10	Chữ	HK5-8 (3 TC) 10	Chữ	HK5-9 (6 TC) 10	Chữ	HK5-10 (5 TC) 10	Chữ
1	Đỗ Mạnh Cường	2,1	D	2,1	D	2,0	D	2,3	D	2,0	D	2,3	D	3,1	D	7,2	B	0,0	D	0,0	D
2	Đặng Hữu Hướng Thiên	5,4	D+	6,0	C	6,5	C+	5,9	C	5,6	C	6,0	C	7,6	B	5,8	C	9,0	A+	9,0	A+
3	Lê Thanh Tùng	0,0	D	0,0	D	0,0	D	0,0	D	0,0	D	0,0	D	0,0	D	5,6	C	9,0	A+	0,0	D

Kỳ 1 - Kỳ 5

STT	Họ tên	TTC <4	TM <4	TBC tích luỹ ĐTB10	TBC tích luỹ ĐTB4	Xếp loại học tập	Xếp loại RL toàn khoá	Xếp loại tốt nghiệp
1	Đỗ Mạnh Cường	35	16	3,26	0,77	Yếu	Yếu	chưa TN
2	Đặng Hữu Hướng Thiên	0	0	7,149	2,61	Khá	Khá	THIẾU BẰNG TNTHPT
3	Lê Thanh Tùng	29	19	3,018	0,70	Yếu	Trung Bình	chưa TN

Tổng số: 03

Phòng QLĐT **Người lập biểu**

Nguyễn Thị Ngọc Dung

STT	MĐ/MH HỌC KỲ I	TC	MĐ/MH HỌC KỲ I	TC	MĐ/MH HỌC KỲ I	TC	MĐ/MH HỌC KỲ I	TC	MĐ/MH HỌC KỲ I	TC
1	Kỹ năng giao tiếp	2	Đo lường và cảm biến	2	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Thực tập trải nghiệm kết hợp sản xuất	4	Thiết kế và chế tạo rô bốt	2
2	Thiết kế và lắp ráp mạch điện tử	3	Tin học	3	Giáo dục thể chất	2	Gia công cơ khí	3	Mạng truyền thông công nghiệp	2
3	Kỹ thuật xung-số	2	Điện tử cơ bản	3	Điện cơ bản	3	Kỹ thuật CAD/CAM/CNC	2	Kỹ thuật lắp đặt điện	2
4			Cơ kỹ thuật	2	Vẽ cơ điện tử	3	Truyền động dầu ép khí nén	3	Kỹ thuật vận hành, ĐK hệ thống cơ điện tử	2
5			Điện tử công suất	2	Pháp luật	2	Điều khiển lập trình PLC	2	Rô bốt công nghiệp	2
6					Giáo dục chính trị	4			Sửa chữa mạch nguồn	2
7					Máy điện và khí cụ điện	2			Lắp đặt thiết bị thông minh	2
8					Thiết bị điện tử dân dụng	2			Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3
9					VXL-Vi điều khiển	3			Thực tập tốt nghiệp	6
10					Tiếng Anh	5			Đồ án tốt nghiệp	5